

Phụ lục I
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu số: /YC-BVĐKVP ngày / 02/2026 của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu
1	Hóa chất kiềm	Kg	2.500	- Độ pH: ~12 - Trạng thái: chất lỏng - Thành phần: Sodium hydroxide <3%, Sodium dodecylbenzenesulfonate <17%, Lauryl Alcohol Ethoxylate <5%, Polyethylene glycol lauryl ether <12%, Nước và Thành phần phụ khác.
2	Hóa chất trung hòa	Kg	1.600	- pH: 1~2 - Trạng thái: lỏng, màu trong suốt - Thành phần: Acid citric: 0~50%, 5-Chloro-2-methyl-4- isothiazolin-3-one: 0~5%, và các thành phần phụ khác
3	Hóa chất giặt chính	Kg	5.500	- pH: 10 ~ 12 - Trạng thái: Chất lỏng, trong suốt - Thành phần: Dodecylbenzenesulphonic acid <20%, Sodium hydroxide <2%, Triethanol Amomine <2%, Polyoxyethylene alkyl ether <10%, Enzyme (protease) <1%, nước và các thành phần phụ khác.
4	Sodium Hypochlorite	Kg	21.000	- pH (20°C): 10-11 - Trạng thái: lỏng, màu vàng nhạt, mùi đặc trưng. - Thành phần: Natri hydroxide: 5~10%, Sodium hypochlorit: 5~15%, chất hoạt động bề mặt: 2~5%

5	Tẩy trắng Oxy (Hydrogen Peroxide)	Kg	1.540	- pH: 3-5 - Trạng thái: lỏng, màu trong suốt - Thành phần: Hydrogen Peroxide ~50%
6	Xả vải	Kg	3.900	- pH: 3-4 - Trạng thái: lỏng, màu đặc trung. - Thành phần: Dialkylester Ammonium Methosulfate <10%, Monoethyleneglycol <2%, NaCl <3%, và các thành phần phụ khác
7	Lau sàn	Lít	1.400	- pH: 7,5~8 - Trạng thái: lỏng, màu đặc trung - Thành phần: Tinosan HP100, Polyquart 149, Nước và các phụ gia khác.
8	Tẩy Toilet	Lít	1.100	- pH: 1~5 - Trạng thái: lỏng, hương thơm dễ chịu - Thành phần: HydroChloric acid, Alcohol Ethoxylate, và các thành phần phụ khác
9	Tinh dầu sả	Lít	280	- pH: 4~8 - Trạng thái: lỏng, màu đặc trung, mùi đặc trung - Thành phần: Tinh dầu tự nhiên, ethanol, và các thành phần phụ khác
10	Tinh dầu quế	Lít	80	- pH: 4~8 - Trạng thái: lỏng, màu đặc trung, mùi đặc trung - Thành phần: Tinh dầu tự nhiên, ethanol, và các thành phần phụ khác
11	Nước lau kính	Lít	300	- pH: 4~10 - Trạng thái: lỏng, hương thơm dễ chịu - Thành phần: Dehydol LS9, Ethanol, nước, hương và một số phụ gia khác

12	Tẩy đa năng	Lít	150	- pH: 11 - Trạng thái: lỏng, mùi đặc trưng - Thành phần: Sodium metasilicate, anhydrous 1~3%; Sodium tripolyphosphate 2~3%; Diethylene glycol monobutyl ether 1~3%; Sodium xylene sulfonate 1~3%; Poly(oxy-1,2-ethanediyl),a-(carboxymethyl)-w-(tridecyloxy)-,branched,sodium salt 1~3%; thành phần phụ khác
13	Javel	Lít	21.000	- pH (20°C): 10-11 - Trạng thái: lỏng, màu vàng nhạt, mùi đặc trưng. - Thành phần: Natri hydroxide: 5~10%, Sodium hypochlorit: 5~15%, chất hoạt động bề mặt: 2~5%
14	Xà phòng giặt	Lít	1.200	- pH: 7~9 - Trạng thái: lỏng, màu đặc trưng - Thành phần: Sodium Lauryl Sulfate 1-5%, Sodium Laureth Sulfate 10-15%, Linear alkylbenzene sulfonate 1-5%, Cocamide DEA 2-3%, Methylchloroisothiazolinone 0.1-0.3%, Methylisothiazolinone 0.1-0.3%, Sodium Hydroxide 1-2%, Thành phần khác
15	Soda	kg	4.000	- Bột màu trắng - Thành phần: Na_2CO_3 ~99,2%
16	Axit Citric	kg	400	- Chất rắn, không mùi - Thành phần: Acid Citric ~100%
17	Mật rỉ	Lít	5.700	-Thể lỏng, sệt, màu nâu đậm -Hàm lượng đường $\geq 45\%$